

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C T
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 337/2017/DS-ST

Ngày: 13-12-2017

V/v “*Tranh chấp hợp đồng góp hội*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C T, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Minh
2. Ông Huỳnh Văn Phó

Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Hoàng Huy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C T, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 13 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C T, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 211/2017/TLST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp “Hợp đồng góp hội” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 136/2017/QĐXX-ST ngày 15 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Lê Thị H**, sinh năm: 1970
Địa chỉ: ấp L H B, xã L Đ, huyện C T, tỉnh Tiền Giang.
2. *Bị đơn:* **Đinh Thị Bé H**, sinh năm: 1966
Địa chỉ: ấp T 1, xã L Đ, huyện C T, tỉnh Tiền Giang.
(Chị H và chị B H có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/8/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày: Vào năm 2012 chị H có tham gia chơi hội do chị Đinh Thị Bé H làm chủ thảo. Dây hội khởi khai ngày 20/7/2012, hội loại 3.000.000đồng, 3 tháng khai một lần, gồm 13 phần, chị H tham gia một phần. Sau khi tham gia chị H đóng được 07 kỳ hội sống, đến ngày 20/01/2014 dây hội bị bể. Dây hội này hiện chị H vẫn chưa hót hội. Sau khi hội bị bể, chị H và chị B H tổng kết nợ thì hai bên thống nhất chị B H còn nợ chị H số tiền hội mà

chị H đã góp được là 10.280.000đồng. Chị B H hẹn sau khi chị B H gom được tiền hui của các hui viên còn nợ sẽ trả lại tiền cho chị H. Tuy nhiên đến nay chị B H vẫn không trả tiền cho chị, chị H đã nhiều lần yêu cầu chị B H trả nhưng chị B H cứ hứa hẹn kéo dài cho đến nay. Nay chị H yêu cầu chị B H trả số tiền là 10.000.000đồng, yêu cầu trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Đinh Thị Bé H trình bày: Chị B H thống nhất theo lời trình bày của nguyên đơn Lê Thị H là vào năm 2012 chị B H có tổ chức hui góp vốn xoay vòng và chị H có tham gia một phần, hui loại 3.000.000đồng, 3 tháng khui một lần, khởi khui ngày 20/7/2012, chị H tham gia một phần. Sau khi tham gia chị H có đóng được 07 kỳ hui sống thì đến ngày 20/01/2014 dây hui bị bể. Dây hui này chị H vẫn chưa hốt hui. Chị B H thừa nhận còn nợ lại chị H số tiền hui là 10.000.000đồng và đồng ý trả số tiền trên cho chị H nhưng hẹn khi nào có tiền sẽ trả.

Tại phiên tòa nguyên đơn Lê Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu chị B H trả số tiền 10.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi, yêu cầu trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] - Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ hui chưa thanh toán, Hội đồng xét xử xác định tranh chấp là hợp đồng góp hui.

[2] – Về nội dung yêu cầu: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị H và chị B H trình bày thống nhất là vào năm 2012 chị H có tham gia chơi hui do chị B H làm chủ thảo. Dây hui khởi khui ngày 20/7/2012, hui loại 3.000.000đồng, 3 tháng khui hui một lần, dây hui gồm 13 phần, chị H tham gia một phần. Sau khi tham gia chị H đóng được 07 kỳ hui sống thì đến ngày 20/01/2014 dây hui bị bể, chị B H và chị H kết sổ hui thì thống nhất số tiền mà chị H đã góp được là 10.000.000đồng. Xét lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận những tình tiết nêu trên là sự thật. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định chị B H còn nợ chị H số tiền hui là 10.000.000đồng. Chị H đã nhiều lần yêu cầu chị B H thanh toán nhưng chị B H cứ hứa hẹn kéo dài thời gian trả nợ gây thiệt thòi quyền lợi cho nguyên đơn. Do vậy yêu cầu khởi kiện của chị H là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét yêu cầu của chị B H đồng ý trả cho chị H số tiền 10.000.000đồng nhưng xin thời hạn khi nào có tiền sẽ trả, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bị đơn không phù hợp với quy định của pháp luật, đồng thời cũng không được nguyên đơn chị H đồng ý, do đó yêu cầu của bị đơn không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[3] Về lãi suất do bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền từ khi vi phạm thỏa thuận đến ngày xét xử, nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí sơ thẩm: Bị đơn chị Đinh Thị Bé H có nghĩa vụ chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Cụ thể: $10.000.000đ \times 5\% = 500.000đ$ ồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 479 Bộ luật dân sự năm 2005;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị H.

1/ Buộc chị Đinh Thị Bé H có nghĩa vụ trả cho chị Lê Thị H số tiền 10.000.000đồng (Mười triệu đồng), thực hiện một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị H có đơn yêu cầu thi hành án nếu chị B H chậm trả tiền còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đinh Thị Bé H phải chịu 500.000đồng.

Hoàn lại cho chị Lê Thị H số tiền là 300.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 26371 ngày 10/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C T, tỉnh Tiền Giang.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện C T;
- Chi cục THADS huyện C T;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Chinh